TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2021/ DS – ST
Ngày: 03 - 02 - 2021
V/v: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Tuyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lý Hồng Hạnh**

2. Ông **Phan Thanh Dũng**

- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Tiên** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên toà:

Ông **Nguyễn Công Khánh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 và 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2014/TLST- DS ngày 23 tháng 6 năm 2014 về: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 436/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Hoàng D**, sinh năm 1970. (Có mặt)

Bà **Trần Thị Hồng X**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Thới T A, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

Bà Trần Thị Hồng X ủy quyền cho ông Trần Hoàng D. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/5/2014.

Bị đơn: Bà **Liêu Thị C**, sinh năm 1955. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới T B, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Liêu Thị L**, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 7 ấp Ngọc H, xã Hòa A, huyện G, tỉnh K.

2/ Ông **Liêu D** (Liêu D), sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới T, xã Thới Đ, huyện CĐ, thành phố C.

3/ Ông **Liêu D**, sinh năm 1965. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới T A, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

4/ **Uỷ ban nhân dân huyện Thới Lai**.

Địa chỉ: Khu hành chính huyện Thới Lai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Tấn T**; Chức vụ: Phó Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Thới Lai (nay là Trưởng phòng). Theo văn bản ủy quyền số 1650/ UQ- UBND ngày 08/6/2017. (Xin xét xử vắng mặt)

5/ Bà **Liêu Thị Ngọc C**, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thới T B, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

6/ **Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Thới Lai**. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu hành chính huyện Thới Lai.

7/ Ông **Liêu L**, sinh năm 1956. (Xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thới T B, thị trấn TL, huyện TL, thành phố C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự: Luật sự **Lê Văn C**- Văn phòng luật sư **NĂM C** - Thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X là nguyên đơn trong vụ án. (Có mặt)

Người phiên dịch: Ông **Liêu Tuấn K**; Chức vụ: Phó Trưởng Phòng dân tộc huyện Thới Lai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Phía nguyên đơn yêu cầu chia 01 kỷ phần trong phần diện tích đo đạc thực tế là 826,7 m^2 thuộc thửa 1028, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Phía nguyên đơn ông Trần Hoàng D trình bày: Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông, bà nội của ông D và bà X tên Liêu H (chết ngày 10/7/1986) và bà Liêu Thị T (chết ngày 04/12/2008) không để lại di chúc. Khi chết ông H và bà T có để lại tài sản là thửa đất số 1028, tờ bản đồ số 05, diện tích 767 m^2 (T) và thửa đất số 910, tờ bản đồ số 05, diện tích 4.700 m^2 (LUA) do ông Liêu H đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai.

Thời gian chung sống ông H và bà T có 06 người con gồm: Ông Liêu Chi (chết 24/10/2004), bà Liêu Thị C (sinh năm 1955), bà Liêu Thị L (1958), ông Liêu D (Liêu D) sinh năm 1970, ông Liêu D (1965), ông Liêu U (sinh năm 1965 (chết). Ngoài ra, ông H và bà T không còn con chung hay con riêng nào khác. Sau khi chết ông Liêu C còn vợ là Trần Thị C và có 02 người con tên Trần Hoàng D và

Trần Thị Hồng X. Nay ông D và bà X yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất tại thửa 1028, tờ bản đồ số 05 nêu trên và yêu cầu được hưởng một kỷ phần bằng giá trị quyền sử dụng đất. Đối với thửa đất 910 ông D và bà X xác định không có tranh chấp chia thừa kế đối với thửa đất này. Xác định yêu cầu chia 01 kỷ phần trong phần diện tích đo đạc thực tế là 826,7 m^2. Xác định ông và bà X yêu cầu nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá. Không yêu cầu chia giá trị công trình vật kiến trúc đã kiểm kê áp giá bồi thường mà chỉ yêu cầu chia giá trị đất.

Bà Liêu Thị C (bị đơn) trình bày: Bà không đồng ý lời trình bày và yêu cầu của ông D và bà X. Nguồn gốc đất của cha mẹ tên Liêu H (chết ngày 10/7/1986) và bà Liêu Thị T (chết ngày 04/12/2008) không để lại di chúc. Khi chết ông H và bà T có để lại tài sản là thửa đất số 1028, tờ bản đồ số 5, diện tích 767 m^2 (T) trong đó có 01 phần mua của ông Liêu L 319 m^2 (có giấy tay) thửa đất số 910, tờ bản đồ số 05, diện tích 4.700 m^2 (LUA) do ông Liêu H đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai.

Thời gian ông H và bà T còn sống thì bà là người sống chung với ông H, bà T và bà là người trực tiếp nuôi dưỡng và phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống và lo thờ cúng khi đã chết. Phần đất tại thửa 1028 thì bà đã được bà Liêu Thị T tặng cho vào năm 2007 theo tờ ủy quyền được Ban nhân dân ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai xác nhận vào ngày 14/9/2007. Nay ông D và bà X yêu cầu chia thừa kế tại thửa 1028 thì bà không đồng ý. Bà xác định có yêu cầu phản tố chia thửa 1028 phần dính vào quy hoạch là 386,2 m^2 phần diện tích còn lại của thửa 1028 là bà mua của ông Liêu L nên yêu cầu được hưởng mà không đồng ý chia thừa kế, yêu cầu được hưởng 02 phần của diện tích 386,2 m^2. Hiện tại phần đất thuộc thửa 1028 có dính một phần diện tích quy hoạch vào dự án Khu đô thị mới huyện Thới Lai và đã được kiểm kê áp giá bồi thường nhưng bà chưa được nhận tiền hỗ trợ bồi thường do có tranh chấp tại Tòa án và bà yêu cầu được hưởng toàn bộ số tiền này. Bà đồng ý trả lại cho ông D 1,5 chỉ vàng 24 kara, vàng này là bà nhận để cho ông Liêu D cất nhà nuôi bò trên đất. Bà xác định không có chuyển nhượng cho ông Liêu D, đối với phần chia thừa kế cho ông Liêu D thì bà xác định chia giá trị vì đã dính vào quy hoạch, còn phần đất còn lại là phần của bà chuyển nhượng của ông Liêu L nên không đồng ý chia đất cho ông D. Bà xác định chỉ đồng ý chia thừa kế phần di sản của mẹ của bà để lại thành 5 phần gồm: Bà là Liêu Thị C, Liêu D (D), Liêu Thị L, Liêu D và 01 kỷ phần di sản dùng vào việc thờ cúng bà yêu cầu được hưởng. Bà xác định ông H và bà T có người con tên Liêu N, sinh năm 1952 đã chết lúc nhỏ, không có vợ con.

Nay bà xác định có yêu cầu phản tố chia thừa kế theo pháp luật cho bà được hưởng 02 kỷ phần tại thửa 1028 trong đó có 01 kỷ phần do bà phụng dưỡng cha mẹ trước khi qua đời và bà là người thờ cúng cha mẹ. Số tiền bà Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng đã kiểm kê và áp giá bồi thường trong đó có một phần thửa 1028 loại đất ODT, tờ bản đồ số 05 diện tích thu hồi là 386,2 m^2 số tiền được hưởng giá trị đất và công trình vật kiến trúc bị ảnh hưởng là 196.488.310 đồng. Đối với yêu cầu của ông Liêu D yêu cầu hưởng thừa kế ngang 6 m dài 19,5 m tổng diện tích yêu cầu 117 m^2, thuộc thửa 1028, tờ bản đồ số 05, loại đất T, đất tọa lạc tại ấp Thới

Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thì bà không đồng ý mà chỉ đồng ý chia cho ông Liêu D 01 kỷ phần của phần diện tích lọt vào quy hoạch, đối với phần còn lại thì bà không đồng ý chia do là đất bà nhận chuyển nhượng của ông Liêu L.

Ông Liêu D trình bày: Ông xác định có yêu cầu độc lập trong vụ án là yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế di sản là cha mẹ ông chết để lại tại số thửa 1028, diện tích 767 m^2 (đo đạc thực tế là 826,7 m^2) tờ bản đồ số 05, loại đất T và CLN, đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Cha ông là Liêu H (chết ngày 10/7/1986) và bà Liêu Thị T (chết ngày 04/12/2008) không để lại di chúc. Khi chết ông H và bà T có để lại tài sản là thửa đất số 1028, tờ bản đồ số 05, diện tích 767 m^2 (ONT) và thửa đất số 910, tờ bản đồ số 05, diện tích 4.700 m^2 (LUA) do ông Liêu H đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai nhưng ông xác định chỉ tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 1028 theo kết quả đo đạc và thẩm định thực tế là 826,7 m^2. Ông xác định chỉ yêu cầu hưởng phần nền nhà tại vị trí trước đây bà C đã tặng cho miệng và ông có chuyển nhượng thêm 01 m ngang tại thửa 1028 với giá 3 chỉ vàng 24 kara nhưng mới đưa cho bà C 1,5 chỉ vàng 24 kara, việc này bà C cũng thừa nhận có nhận 1,5 chỉ vàng 24 kara. Ông yêu cầu được hưởng thừa kế 01 kỷ phần tương đương với 01 nền nhà mà trước đây ông đã san lấp mặt bằng và sử dụng sinh sống ngang 6 m dài 19,5 m tổng diện tích yêu cầu 117 m^2, thuộc thửa 1028, tờ bản đồ số 05, loại đất T, đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Nay ông có yêu cầu bà Liêu Thị C phải trả lại 1,5 chỉ vàng 24 kara. Ông xác định chỉ có yêu cầu hưởng thừa kế là đất, còn các loại tài sản khác như nhà của cha mẹ ông để lại cũng như tiền bồi thường do thu hồi giải phóng mặt bằng thì ông không có tranh chấp.

Thời gian chung sống ông H và bà T có 06 người con gồm: Ông Liêu C (chết 24/10/2004), bà Liêu Thị C (sinh năm 1955), bà Liêu Thị L (1958), ông Liêu D (Liêu D), ông Liêu D, ông Liêu U (chết). Theo ông biết là ông Liêu C trước năm 1975 có tên là Liêu N được khai trong sổ gia đình thời Việt Nam Cộng Hòa cấp, sau đó ông Liêu N đổi tên thành Liêu C. Tôi xác định ông Liêu C là cha ruột của ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X.

Bà Liêu Thị Ngọc Chinh trình bày: Bà là con của bà Liêu Thị L, hiện tại bà đang sống chung với bà Liêu Thị C tại phần đất đang tranh chấp. Bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án mà giao cho bà Liêu Thị C quyết định.

Bà Liêu Thị L trình bày: Bà thống nhất toàn bộ với lời trình bày của bà Liêu Thị C về nguồn gốc đất, di sản do bà T chết để lại.Theo bà biết thì ông H và bà T không có người con nào tên Liêu Chi. Bà xác định chỉ có yêu cầu phần diện tích đã lọt vào quy hoạch 399,1 m^2 và chỉ yêu cầu giá trị đất theo giá đã định vào năm 2016, còn các công trình vật kiến trúc thì không yêu cầu chia. Bà thống nhất cho bà C được hưởng 02 kỷ phần thừa kế. Đối với phần diện tích còn lại thì không yêu cầu chia, về nguồn gốc bà C cho rằng chuyển nhượng của ông Liêu L thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Liêu D (Liêu D) trình bày: Ông xác định có yêu cầu độc lập trong vụ án là yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần thừa kế di sản là cha mẹ ông chết để lại tại số

thửa 1028, diện tích đo đạc thực tế 826,7 m^2 tờ bản đồ số 05, loại đất T và LNK đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Cha ông là Liêu H (chết ngày 10/7/1986) và bà Liêu Thị T (chết ngày 04/12/2008) không để lại di chúc. Khi chết ông H và bà T có để lại tài sản là thửa đất số 1028, tờ bản đồ số 05, diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 767 m^2 (ONT) và thửa đất số 910, tờ bản đồ số 05, diện tích 4.700 m^2 (LUA) do ông Liêu H đứng tên quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai nhưng xác định chỉ có yêu cầu phần diện tích đã lọt vào quy hoạch 399,1 m^2 và chỉ yêu cầu giá trị đất theo giá đã định vào năm 2016, còn các công trình vật kiến trúc thì không yêu cầu chia. Ông cũng thống nhất cho bà C được hưởng 02 kỷ phần thừa kế. Đối với phần diện tích còn lại thì không yêu cầu chia, về nguồn gốc bà C cho rằng chuyển nhượng của ông Liêu L thì yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Liêu L (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) có lời khai: Cách nay khoảng 36 năm có chuyển nhượng cho bà Liêu Thị C một phần đất, không nhớ thuộc thửa nào, diện tích và kích thước bao nhiêu do quá lâu, giá chuyển nhượng bằng 10 giạ lúa, có lập giấy tay nhưng cụ thể thỏa thuận như thế nào thì không nhớ. Nguồn gốc đất trước đây là của cha tôi tặng cho tôi sử dụng thực tế; Việc tặng cho không lập giấy tờ gì, sau này tôi không có nhu cầu sử dụng nên đã chuyển nhượng lại cho bà C và bà C đã sử dụng thực tế cho đến nay. Trước khi chuyển nhượng cho bà C thì phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất đã chuyển nhượng cho bà C thì bà C tự quyết định và kê khai lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, tôi không có ý kiến và không tranh chấp. Tôi xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

+Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có yêu cầu xét xử vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm bà Liêu Thị L, Ông Liêu D, ông Liêu D; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn là bà Liêu Thị C (Kèm theo bài phát biểu của Kiểm sát viên).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện Thới Lai, ông Liêu L có yêu cầu xét xử vắng mặt, Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Thới Lai được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất và đòi lại tài sản".

[3] Tại phiên tòa ông D trình bày là ông và bà X yêu cầu được hưởng thừa kế thế vị phần di sản do bà Liêu Thị T chết để lại tại thửa 1028. Xác định yêu cầu chia 01 kỷ phần trong phần diện tích đo đạc thực tế là 826,7 m^2 và chỉ yêu cầu nhận bằng giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá năm 2016. Không yêu cầu chia giá trị công trình vật kiến trúc đã kiểm kê áp giá bồi thường mà chỉ yêu cầu chia giá trị đất. Ông cũng thống nhất di sản chia làm 6 phần và cho bà C được hưởng 2 kỷ phần trừ công trình vật kiến trúc trên đất đã được nhà nước kiểm kê áp giá bồi thường. Đối với bà Liêu Thị C thì không đồng ý chia cho ông D và bà X vì bà cho rằng ông Liêu Chi không phải là con của bà Liêu Thị T và ông Liêu H. Đối với ông Liêu D và bà Liêu Thị C thống nhất được việc bà C trả lại cho ông Liêu D 1,5 chỉ vàng 24 kara và không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa 1028; Riêng về phần yêu cầu độc lập của ông Liêu D thì bà C chỉ đồng ý chia giá trị cho ông Liêu D mà không đồng ý chia đất. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Di sản là quyền sử dụng đất do ông H và bà T để lại là quyền sử dụng đất tại số thửa số 1028, diện tích đo đạc thực tế là 826,7 m^2, tờ bản đồ số 05, loại đất ODT và LNK và thửa đất số 910, tờ bản đồ số 05, diện tích 4.700 m^2 (LUA) do ông Liêu H đứng tên quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ là đúng thực tế và các con của ông H và bà T chỉ yêu cầu chia thừa kế thửa đất 1028.

[4] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2008/DS-ST ngày 24/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) và bản án dân sự phúc thẩm số 159/2008/DSPT ngày 24/6/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế cho ông Liêu D, ổn định diện tích 767 m^2 đất thổ cư tại thửa 1028 cho bà Liêu Thị T, bản án đã có hiệu lực pháp luật. Bà Thêm chết ngày 04/12/2008 nên phần đất tranh chấp nêu trên là tài sản thừa kế của các con bà, trong đó có ông Liêu Chi (bản án phúc thẩm đã thừa nhận ông Liêu Chi là con của ông Liêu H và bà Liêu Thị T). Việc ông D bà X khởi kiện yêu cầu chia thừa kết phần đất mà cha ông nếu còn sống được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Tại phiên tòa bà C và ông Liêu D đều thừa nhận ông Liêu D có bơm cát, cất chòi và chuồng bò trên một phần thửa 1028, giữa bà C và ông D không thỏa thuận được việc bồi thường chi phí san lấp mặt bằng nếu chia bằng giá trị, ông Liêu D có yêu cầu được hưởng một nền nhà ngang 5 m và dài hết thửa. Hiện ông Liêu D không có đất để cất nhà ở. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu chia thừa kế và được

nhận bằng hiện vật của ông Liêu D là chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu phản tố của bà Liêu Thị C cho rằng trong thửa 1028 có một phần diện tích 319 m^2 nhận chuyển nhượng của ông Liêu Lùng nhưng trong hồ sơ địa chính thể hiện là của ông Liêu H, khi bản án phúc thẩm xét xử có hiệu lực thì là của bà Liêu Thị T đứng tên nên không chấp nhận yêu cầu phản tố này của bà Liêu Thị C.

[7] Bà Liêu Thị T chết không có để lại di chúc nên cần chia di sản thừa kế theo pháp luật. Đối với phía ông D, bà X yêu cầu hưởng 01 kỷ phần thừa kế, ông Liêu D yêu cầu hưởng 01 kỷ phần thừa kế của phần diện tích 826,7 m^2; ông Liêu D và bà Liêu Thị L chỉ yêu cầu 01 kỷ phần nhưng chỉ yêu cầu chia giá trị trong phạm vi 399,1 m^2. Xét yêu cầu này là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Theo kết quả đo đạc và thẩm định tài sản thì phần di sảthửa 1028 có diện tích thực tế là 826,7 m^2. Lấy 826,7 m^2 chia 6 = 137,783 m^2. Như vậy mỗi kỷ phần là 137,783 m^2. Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X được hưởng 01 kỷ phần thừa kế mà đáng lẽ ông Liêu Chi được hưởng. Tính bằng giá trị thì 137,783 m^2 = 55.113.200 đồng. Ông Liêu D được nhận diện tích 95 m^2 đất thực tế tại một phần thửa 1028, còn chênh lệch thiếu 42,783 m^2 được nhận bằng giá trị do bà C thanh toán.

[8] Ông Liêu D, bà Liêu Thị L chỉ yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần trong phần diện tích còn lại của thửa 1028 trừ phần diện tích lọt vào quy hoạch và cũng không yêu cầu chia các công trình vật kiến trúc khác tọa lạc trên đất. Như vậy diện tích còn lại phía bà L và ông D yêu cầu là 399,1 chia 6 = 66,516 m^2 x 400.000 đồng/ m^2 = 26.606.400 đồng. Bà Liêu Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu D và bà Liêu Thị L mỗi người giá trị 01 kỷ phần thừa kế theo yêu cầu là 26.606.400 đồng.

[9] Phần diện tích 399,1 m^2 là phần vị trí bà C được hưởng thừa kế đã được Cơ quan chuyên môn có thẩm quyền kiểm kê áp giá bồi thường, phần này các đồng thừa kế không ai tranh chấp, không đặt ra yêu cầu giải quyết nên bà Liêu Thị C được hưởng các chi phí bồi thường theo quy định của pháp luật. Trong phần diện tích 826,7 m^2 thuộc thửa 1028 có 59,7 m^2 loại đất CLN xác định là phần bà C được hưởng do bà C được hưởng thêm 01 kỷ phần dùng vào việc thờ cúng nên tính cho các kỷ phần thừa kế khác là loại đất ODT.

[10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X và ông Liêu D chịu nộp theo quy định của pháp luật; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Liêu Thị C, ông Liêu D và bà Liêu Thị L.

[12] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản: Cần buộc các đương sự chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng :

Điều 649, 650,651, 652, 611, 612, 660, 164,166 và Điều 357 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 26, 91, 92, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X; Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Liêu D, bà Liêu Thị L và ông Liêu D; Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Liêu Thị C.

Ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X được hưởng 01 (một) kỷ phần thừa kế tại thửa đất số 1028, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai (theo 302: 34+35+36 tờ bản đồ số 35) là 137,783 m^2 mục đích sử dụng ODT nhưng được chia bằng giá trị là 55.113.200 đồng. Buộc bà Liêu Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X số tiền 55.113.200 đồng.

Ông Liêu D được hưởng 01 (một) kỷ phần thừa kế tương đương với diện tích 137,783 m^2 trong đó nhận đất thực tế và buộc bà Liêu Thị C có trách nhiệm giao cho ông Liêu D là 95 m^2 mục đích sử dụng ODT, thuộc thửa 1028, tờ bản số 5 đất tọa lạc tại ấp Thới Thuận B, thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai (theo 302: 34+35+36 tờ bản đồ số 35). Buộc bà Liêu Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu D số tiền 11.113.200 do nhận chênh lệch thiếu 42,783 m^2 theo kỷ phần thừa kế được hưởng. Ông Liêu D được quản lý sử dụng tường rào xây gạch 20, cao 0,3 m, dài 18,9 m và 01 chuồng bò có kết cấu: Cột, kèo, đòn tay gỗ tạp, không có vách, có 01 vách ngăn xây gạch tường 10, cao 0,6 m dài 4 m, mái lợp tôn, nền bê tông. Diện tích: 24 m^2 trong phạm vi 95 m^2 thuộc một phần thửa 1028.

Ông Liêu D, bà Liêu Thị L mỗi người được hưởng 66,516 m^2 m^2 thuộc thửa 1028 (theo 302: 34+35+36 tờ bản đồ số 35) nhưng tính giá trị 26.606.400 đồng. Buộc bà Liêu Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu D và bà Liêu Thị L mỗi người giá trị 01 kỷ phần thừa kế theo yêu cầu là 28.506.400 đồng.

Đối với số tiền phải thi hành thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Buộc bà Liêu Thị C có trách nhiệm thanh toán cho ông Liêu D 1,5 chỉ vàng 24 kara.

Bà Liêu Thị C sau khi trừ phần diện tích ông Liêu D được hưởng thực tế 95 m^2 tại thửa 1028 và có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế chênh lệch cho ông Liêu D, thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho ông D, bà X, bà L, ông D thì bà

Liêu Thị C được sử dụng diện tích 731,7 m^2 (chưa trừ phần diện tích lọt vào quy hoạch). Trong đó có 672 m^2 ODT và 59,7 m^2 LNK (theo 302: 34+35+36 tờ bản đồ số 35) và quản lý sử dụng toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất thuộc một phần thửa 1028.

Phần diện tích 399,1 m^2 lọt vào quy hoạch, đã được kiểm kê áp giá bồi thường thì bà Liêu Thị C là người được hưởng bồi thường về đất, công trình vật kiến trúc và các khoản chi khác liên quan đến phần đất nói trên.

Vị trí đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số 1346/2018 ngày 06/11/2018 và trích lục bản đồ địa chính ngày 03/02/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Kiến nghị cơ quan chuyên môn có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ vị trí thửa đất trên cơ sở yêu cầu của đương sự khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Liêu Thị C, bà Liêu Thị L do là người cao tuổi và miễn án phí dân sự thẩm cho ông Liêu D do thuộc diện hộ nghèo.

Buộc ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X có trách nhiệm chịu 2.755.000 đồng. Chuyển số tiền 2.755.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005778 ngày 19/6/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Hoàn trả cho ông Trần Hoàng D số tiền tạm ứng án phí còn dư 2.038.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005778 ngày 19/6/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Buộc ông Liêu D chịu nộp 2.755.000 đồng. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 900.000 đồng theo biên lai thu tiền số 015825 ngày 21/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành tiền án phí. Ông Liêu D còn có trách nhiệm nộp thêm 1.855.000 đồng.

Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Buộc ông Trần Hoàng D và bà Trần Thị Hồng X chịu 1.000.000 đồng. Buộc ông Liêu D, bà Liêu Thị C bà và bà Liêu Thị L mỗi người chịu 1.000.000 đồng. Buộc ông Liêu D chịu 500.000 đồng. Ông Trần Hoàng D đã nộp tạm ứng 4.500.000 đồng và đã chi thực tế xong. Buộc bà Liêu Thị C, ông Liêu D, bà Liêu Thị L mỗi người nộp 1.000.000 đồng và buộc ông Liêu D nộp 500.000 đồng để trả lại cho ông Trần Hoàng D.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân địa phương đối với đương sự vắng mặt để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận :

-TAND thành phố Cần Thơ;

-VKSND huyện Thới Lai;

-Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;

-Đương sự;

-Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoài Tuyên